

## KHẢO SÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN TRUYỆN THƠ NÔM KINH TRONG KHO SÁCH CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

PHẠM HOÀNG GIANG\*

*Tóm tắt:* Truyện thơ Nôm Kinh là loại truyện thơ viết bằng chữ Nôm của người Kinh. Bài viết để thống kê hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh về các mặt: số lượng truyện thơ, kí hiệu và số lượng văn bản. Từ đó, bài viết sẽ tiến hành phân loại hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh ở một số vấn đề như: kí hiệu, loại văn bản, niên đại, tác giả, chủ đề, của loại hình văn bản; giúp cho người đọc cái nhìn khái quát về hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh có trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

*Từ khóa:* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, truyện thơ Nôm Kinh, hệ thống văn bản

*Abstract:* Nom Kinh narrative poetry refers to a genre composed in the Nom script by the Kinh people. These poetic works typically recount the lives and personalities of central figures through structured plots involving notable events. This article examines the "Han Nom Heritage - Summary Directory" and compares it with individual texts from the book collection of the Institute of Han Nom Studies (Vietnam Academy of Social Sciences) to compile statistical data on the Nom Kinh narrative poetry system, including the number of poems, symbolic motifs, and total textual entries. Based on this data, the study delves into key aspects such as symbols, text types, dating, authorship, and thematic content. The findings provide a comprehensive overview of the Nom Kinh narrative poetry materials housed at the Institute of Han Nom Studies, providing a foundation for future research into the textual features and literary structure of this poetic tradition.

*Keywords:* Institute of Han Nom Studies, Nom Kinh narrative poetry, text system

### Dẫn nhập

Truyện thơ Nôm Kinh là loại truyện được viết bằng chữ Nôm của người Kinh (thường theo thể lục bát). Đây là một loại hình văn học tự sự có khả năng phản ánh về hiện thực của xã hội và con người với một phạm vi tương đối rộng. Nội dung của truyện thơ Nôm Kinh thường phản ánh đời sống xã hội cũng như thể hiện quan niệm, lí tưởng nhân sinh của tác giả thông qua việc miêu tả chi tiết, tường thuật lại một cách

tương đối trọn vẹn cuộc đời, tính cách nhân vật bằng một cốt truyện với chuỗi các biến cố, sự kiện nổi bật. Có thể nói, truyện thơ Nôm Kinh tiêu biểu cho văn học trung đại Việt Nam nở rộ vào cuối thế kỷ XVII và đến đầu thế kỷ XIX. Bài viết tham khảo bộ *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu*, có đối chiếu với từng văn bản trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm (VNCHN),

\* TS., Viện Nghiên cứu Hán Nôm

từ đó, sẽ tiến hành phân loại hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh ở một số vấn đề như: kí hiệu, loại văn bản, niên đại, tác giả, chủ đề, của loại hình văn bản này. Kết quả của công việc đó, sẽ giúp cho chúng ta có được cái nhìn khái quát về mảng tư liệu truyện thơ Nôm Kinh có trong kho sách của VNCHN. Và đặc biệt sẽ là nền tảng, là cơ sở cho những nghiên cứu chuyên sâu về mặt văn bản và văn tự của loại hình văn bản truyện thơ này.

### 1. Lý thuyết thể loại truyện thơ Nôm

Truyện thơ Nôm (bao gồm truyện thơ Nôm của người Kinh và cả truyện thơ Nôm của người Tày) là thể loại có đóng góp to lớn vào việc phát triển ngôn ngữ văn học dân tộc. Cũng giống như các thể văn chữ Hán tại Việt Nam, truyện thơ Nôm về cơ bản vẫn tiếp thu và có sự ảnh hưởng rất lớn của các thể loại văn thơ chữ Hán. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, qua thực tiễn sáng tác của nhiều thế hệ tác giả, các thể loại truyện thơ Nôm đã hoàn thiện và đã đạt được những thành tựu đáng kể, hình thành nên các đặc điểm riêng, rất phong phú về nội dung cũng như nghệ thuật. Về cơ bản các nhà nghiên cứu phân loại truyện thơ Nôm Kinh theo 2 kiểu sau:

#### 1.1. Phân loại theo thể thơ

- Truyện thơ Nôm lục bát: Truyện thơ Nôm lục bát chiếm ưu thế với số lượng và thành tựu lớn, đại diện cho truyện thơ Nôm nói chung. Các tác phẩm tiêu biểu có: “*Lâm tuyền văn*” của Phùng Khắc Khoan (1528 - 1613), gồm khoảng 200 câu, *Ngoạ Long cương văn* gồm 136 câu và *Tư Dung văn* gồm 332 câu, đều của Đào Duy Từ (1572 - 1634)... Sau này có những tác phẩm

truyện thơ Nôm lục bát được lưu hành sâu rộng trong nhân dân và được nhiều người học thuộc lòng, như: *Truyện Kiều* của Nguyễn Du (1765 - 1820), *Truyện Hoa tiên* của Nguyễn Huy Tụ (1743 - 1790), *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái (1777 - 1813), *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888). Ngoài ra còn hàng loạt các tác phẩm thơ Nôm lục bát khuyết danh, như: *Nhị độ mai*, *Phạm Tử Ngọc Hoa*, *Tổng Trân Cúc Hoa*, *Phượng Hoa*, *Lý Công Hoàng Trừu*, *Phan Trần*, v.v... Đặc biệt, giai đoạn này xuất hiện các tác phẩm Nôm thể lục bát diễn ca lịch sử, điển hình là *Thiên Nam ngữ lục* (khuyết danh), đây là tác phẩm viết bằng chữ Nôm dài nhất trong lịch sử văn học chữ Nôm với hơn 8000 câu thơ lục bát; *Truyện Song tinh* (khuyết danh), *Việt sử diễn âm*, *Thiên Nam quốc ngữ lục ký* (khuyết danh), sau này có *Đại Nam Quốc sử diễn ca* của Lê Ngô Cát (1827-1875). Tiếp thể diễn ca lịch sử là các tác phẩm diễn ca truyện cổ tích, đặc điểm của loại truyện này là nhiều tác phẩm khuyết danh, như: *Ỗ Lan phu nhân* của Trương Thị Ngọc Trong (thế kỷ XVIII), *Lý triều đệ tam Hoàng thái hậu cổ lục thần tích quốc ngữ diễn ca*, *Chúa Thao cổ truyện*, *Ông Ninh cổ truyện*, *Tám Cám*, *Thạch Sanh*, *Trương Chi*, v.v... Rồi loại ký sự lục bát cũng ra đời, như: *Mai Đình mộng ký* của Nguyễn Huy Hồ (1783-1841), *Bát phong lưu truyện* của Lý Văn Phức (1875 - 1849), v.v...”<sup>1</sup>.

- Truyện thơ Nôm Đường luật: Truyện thơ Nôm Đường luật là loại truyện thơ được làm theo thể thơ Đường với các luật xuất hiện vào thời nhà Đường ở Trung

Quốc. Truyện thơ Nôm Đường luật không có nhiều, cũng như bị thất truyền, chỉ có một số tác phẩm như: *Tô Công phụng sứ* 蘇公奉處, *Chiêu Quân cống hồ* 招君貢湖, *Lâm tuyền kì ngộ* 林泉奇遇, *Tam quốc thi* 三國詩, v.v... Cùng với những sự kiện lịch sử, thì đây cũng là thời kì mà các nhà nghiên cứu cho rằng truyện thơ Nôm bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam.

## 1.2. Phân loại theo thể loại truyện

### 1.2.1. Loại truyện thơ Nôm khuyết danh và loại truyện thơ Nôm hữu danh

Đây thực chất là những nghiên cứu bước đầu về thể loại truyện thơ tại Việt Nam, do vậy các nhà nghiên cứu thường tập trung vào vấn đề lí giải các khái niệm thuật ngữ về các loại truyện thơ. Có thể điểu ra một số công trình tiêu biểu sau:

- Đỗ Ngọc Hiến, trong *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, từng đồng nhất thuật ngữ truyện Nôm khuyết danh và truyện thơ vô danh như sau: “Trong văn chương cổ điển, có một số tác phẩm như: *Trê Cóc*, *Thạch Sanh*, *Phạm Công - Cúc Hoa*, *Nhị độ mai*, *Phan Trần*, v.v... được nhân dân yêu mến, truyền tụng từ đời này qua đời khác... Những tác phẩm ấy, nay không biết tên tác giả, gọi là tác phẩm vô danh hay khuyết danh”<sup>2</sup>.

- Bùi Văn Nguyên, trong bài: “Truyện Nôm khuyết danh, một hiện tượng đặc biệt của văn học Việt Nam”<sup>3</sup> đã có ý phân biệt rõ 2 khái niệm vô danh và khuyết danh. Theo tác giả văn học vô danh là thuộc phạm trù truyền miệng, còn văn học khuyết danh chính là có tác giả nhưng vì một lí do nào đó mà thiếu tên.

- Lê Hoài Nam, trong *Lịch sử văn học Việt Nam* cho rằng: “Vấn đề truyện thơ Nôm rất phức tạp và khó giải quyết. Từ một số tác phẩm còn mang tên họ của tác giả và có thời điểm ra đời nhất định, phần lớn các tác phẩm khác đến nay chưa xác định về các mặt đó. Người ta gọi thường gọi chung các tác phẩm ấy là truyện Nôm khuyết danh”<sup>4</sup>. Từ đó tác giả đã đưa ra hai kiểu phân loại truyện thơ Nôm:

+ Kiểu phân loại theo nguồn gốc đề tài, tác giả chia làm 3 loại: Loại truyện Nôm dựa vào truyện cổ tích, thần thoại, hay sự tích thần Phật (*Trương Chi* 張之, *Tám Cám* 糝感, *Tống Trân - Cúc Hoa* 宋珍菊花, v.v...). Loại truyện Nôm dựa vào các tiêu thuyết Trung Quốc (*Nữ tú tài* 女秀才, *Phan Trần* 潘陳, *Nhị Độ Mai* 二度枚, *Truyện Kiều* 傳翹, v.v...). Loại truyện Nôm sáng tác hoàn toàn dựa vào thực tế Việt Nam (*Lục Vân Tiên* 六雲仙, *Sơ kính tân trang* 初敬新莊, v.v...).

+ Kiểu phân loại theo nội dung hình thức, tác giả chia làm 2 loại: Loại truyện có tính tư tưởng cao, phản ánh các vấn đề xã hội có liên quan đến vận mệnh quần chúng hơn, nhưng tính nghệ thuật thì vẫn còn thô sơ, mộc mạc (*Phạm Công - Cúc Hoa* 范公菊花, *Tống Trân - Cúc Hoa* 宋珍菊花, *Phạm Tử - Ngọc Hoa* 范子玉花, v.v...). Loại truyện Nôm ít tính quần chúng hơn, nhưng có tính nghệ thuật cao hơn, tư tưởng chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến cùng các thứ tư tưởng tôn giáo, triết học tiêu cực khác. Tác giả của loại truyện này là các Nho sĩ thuộc tầng lớp trên (*Nhị độ mai* 二度枚, *Quan Âm Thị Kính* 觀音氏敬, *Phan Trần* 潘陳). Trong kiểu phân loại thứ 2 này, tuy Lê Hoài Nam không dùng thuật ngữ:

“Truyện thơ Nôm bình dân” và “Truyện thơ Nôm bác học”, nhưng thực chất tác giả đã phân loại theo khuynh hướng đó.

1.2.2. *Loại truyện thơ Nôm bình dân và loại truyện thơ Nôm bác học*

Đề cập đến khái niệm “truyện thơ Nôm bình dân” và “truyện thơ Nôm bác học” ở thời kì ban đầu chúng ta có thể thấy ở các công trình của Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu*, hay của Cao Huy Đình trong *Tìm hiểu tiến trình văn học dân gian Việt Nam*, nhưng ở những công trình này vấn đề về thể loại “truyện thơ Nôm bình dân” và “truyện thơ Nôm bác học” vẫn còn khá lẻ tẻ và chưa có sự thống nhất xuyên suốt về mặt quan điểm của 2 loại truyện thơ này.

- Cho đến Nguyễn Lộc, trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII, nửa đầu thế kỷ XIX* đã thể hiện khá rõ quan điểm phân loại cho tập hợp truyện thơ Nôm: hữu danh (phần lớn là truyện Nôm bác học) và khuyết danh (hầu hết truyện Nôm bình dân), tác giả viết như sau: “Thực tế trong kho tàng truyện Nôm của chúng ta tồn tại song song hai loại truyện cần được nghiên cứu riêng như hai chủng loại của một thể thống nhất. Một loại là những truyện Nôm kiêu: *Phạm Tử - Ngọc Hoa, Tống Trân - Cúc Hoa*, v.v..., một loại là những truyện thơ Nôm kiêu: *Truyện Kiều, Hoa tiên, Sơ kính tân trang, Phan Trần, Nhị độ mai*, v.v... Loại trên có thể gọi là truyện Nôm bình dân; loại dưới gọi là truyện Nôm bác học”<sup>5</sup>

- Đặng Thanh Lê với công trình *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm* đã góp phần khẳng định những giá trị lớn lao của *Truyện Kiều*, cũng như giải thích những nền tảng “chủng loại” của thành tựu ấy

trong mối quan hệ giữa nhà văn và đội ngũ, giữa tác phẩm và thể loại”. Tác giả cũng đặt vấn đề phân loại truyện Nôm theo khuynh hướng truyện Nôm “bình dân” và truyện Nôm “bác học”, nhưng dựa vào quan điểm sáng tác để phân loại. Cơ sở để thực hiện việc này là tìm hiểu phân kết thúc của một số truyện Nôm, có 3 loại như sau:

+ Những tác phẩm kết thúc ở sự kiện cuối cùng của cốt truyện không có lời bàn luận về giá trị bản thân tác phẩm đó như: *Phạm Công - Cúc Hoa, Quan Âm Thị Kính, Sơ kính tân trang*, v.v... Trường hợp này bao gồm cả hai loại truyện Nôm vẫn được tạm phân loại thành “bình dân” và “bác học”.

+ Những tác phẩm biểu hiện một thái độ trân trọng với thể loại truyện Nôm, như: *Phượng Hoa, Thạch Sanh, Phạm Tử - Ngọc Hoa*, v.v... Khuynh hướng này chủ yếu bao gồm những tác phẩm xếp vào loại truyện Nôm “bình dân”.

+ Những tác phẩm biểu hiện một thái độ dè dặt và có khi khinh thị đối với sáng tác truyện Nôm, như: *Nhị độ mai, Bích câu kì ngộ, Truyện Kiều*, v.v... Khuynh hướng này chủ yếu bao gồm những tác phẩm xếp vào loại truyện Nôm “bác học”.<sup>6</sup>

- Kiều Thu Hoạch với công trình *Truyện Nôm - nguồn gốc và bản chất thể loại*, đây là công trình chuyên khảo độc nhất từ trước đến nay về thể loại truyện thơ Nôm. Tác giả đã có những ý kiến về việc phân loại truyện thơ Nôm như sau: “Việc phân loại truyện Nôm bình dân và truyện Nôm bác học là phù hợp với tình hình thực tế. Song phải thấy rằng truyện Nôm bác học vốn dĩ cũng được sáng tác theo mô hình cấu trúc của thể loại truyện Nôm, vì

thể thường khi chúng bị chi phối bởi quy luật sáng tạo của folklore và chịu ảnh hưởng hoặc ít hoặc nhiều của phong cách nghệ thuật dân gian. Do đó mà có hiện tượng, một truyện Nôm bác học nào đó lại rất gần với truyện Nôm bình dân, thậm chí có thể coi là truyện Nôm bình dân. Đồng thời cũng do đó mà có hiện tượng, một truyện Nôm bác học nào đó lại rất dễ dàng bị dân gian hóa, hay nói đúng hơn, bị folklore hóa. Chính tình hình này đã kiến cho tính chất thể loại của truyện Nôm bác học trở nên phức tạp, không thuần nhất như đã thấy”<sup>7</sup>.

Nhìn chung, chúng ta có thể thấy rằng kiểu phân loại nào cũng có mặt tích cực cũng như hạn chế của nó. Mặc dù xu hướng nghiên cứu gần đây thường nghiêng theo hướng phân loại theo cách truyện thơ Nôm bình dân và loại truyện thơ Nôm bác học bởi những những tiện ích của nó đem lại. Nhưng cũng không thể bỏ qua kiểu phân loại truyện thơ Nôm khuyết danh và loại truyện thơ Nôm hữu danh, bởi những thông tin của kiểu phân loại này cũng giúp ích rất nhiều cho các nhà nghiên cứu trong công tác thống kê, phân loại hệ thống truyện thơ Nôm nói chung.

## 2. Hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Các văn bản truyện thơ Nôm Kinh tại VNCHN bao gồm 5 loại kí hiệu: AB, VNb, VNv, VHv, AC. Các văn bản đã được thực hiện công việc tu bổ văn bản, chỉnh trang lại bìa và các tờ trong sách, một số sách hư hỏng đã được đóng lại bìa mới và cắt xén lại gọn gàng.

Việc thống kê hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh là khá phức tạp, bởi số lượng truyện thơ khá nhiều, thể loại truyện thơ đa dạng, hay tên gọi của các truyện cũng có sự khác biệt, v.v... Chính vì vậy, cần thiết phải có một số tiêu chí thống kê cụ thể cho công việc này như sau:

### 2.1. Cách thức thống kê

- *Thứ nhất*: Thống kê đầy đủ các truyện thơ Nôm Kinh, gồm: tên (số lượng truyện thơ), kí hiệu và số lượng văn bản có tại VNCHN. Đồng thời việc thống kê sẽ được sắp xếp theo thứ tự từ loại nhiều nhất cho đến ít nhất (AB, VNb, VNv, AC, VHv).

- *Thứ 2*: Các văn bản truyện thơ Nôm Kinh có nhiều dị bản, tiêu chí bắt buộc là phải lựa chọn 1 văn bản đại diện để thống kê, có nghĩa là nếu một truyện Nôm mà có nhiều dị bản hoặc nhiều tên gọi khác nhau, hoặc có cả nguyên bản chữ Nôm và bản phiên ra chữ Quốc ngữ cùng song song tồn tại, thì chúng tôi cũng chỉ ghi một đơn vị tên sách (một đầu truyện).

Ví dụ:

Truyện thơ *Bạch Viên tân truyện* 白猿新傳 và truyện thơ *Lâm tuyền kỳ ngộ* 林泉其遇 vốn là 1 truyện có nội dung giống nhau, nhưng lại có tên truyện khác nhau, chúng tôi sẽ thống kê đầy đủ các kí hiệu và lựa chọn tên truyện là: *Bạch Viên tân truyện* 白猿新傳 trong bảng thống kê.

- *Thứ 3*: Có 4 văn bản mà trong đó chép chung từ 2 đến 3 truyện, như: AB.325 (3 truyện), AB.451 (3 truyện), AB.640 (2 truyện), chúng tôi vẫn thống kê theo tên truyện.

Thứ 4: Các tên truyện Nôm ở đây được sắp xếp theo thứ tự: A, B, C... để tiện cho việc tra cứu, chứ không sắp xếp theo lịch đại.

## 2.2. Kết quả thống kê

Qua khảo sát hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh tại VNCHN, chúng tôi thống kê được 64 truyện, 131 văn bản; gồm các kí hiệu: *AB*, *VNb*, *AC*, và *VHv*, cụ thể như sau:

Bảng 1: Bảng thống kê số lượng, kí hiệu văn bản truyện thơ Nôm Kinh

TT	Tên truyện	Kí hiệu				
		<i>AB.</i>	<i>VNb.</i>	<i>VNv.</i>	<i>AC.</i>	<i>VHv.</i>
1.	<i>Bạch Viên tân truyện</i> 白猿新傳	<i>AB.78;</i> <i>AB.325</i>	<i>VNb.68</i>			
2.	<i>Hà Ô Lôi truyện</i> 何烏雷傳	<i>AB.451</i>				
3.	<i>Bích Câu kỳ ngộ</i> 碧溝奇遇	<i>AB.83;</i> <i>AB.325</i>				
4.	<i>Bình Sơn Lãnh Yến diễn ca</i> 平山冷燕演歌	<i>AB.135</i>				
5.	<i>Cải Vàng tân truyện</i> 該黃新傳	<i>AB.3;</i> <i>AB.640</i>				
6.	<i>Chàng Chuối tân truyện</i> 松椽新傳	<i>AB.84</i>				
7.	<i>Châu sơ kim kính lục</i> 珠梳金鏡錄	<i>AB.275</i>				
8.	<i>Chiêu Quân tân truyện</i> 昭君新傳		<i>VNb.70</i>			
9.	<i>Chúa Thao cổ truyện</i> 主滔古傳	<i>AB.82</i>				
10.	<i>Đạt Na Thái Tử bản hạnh</i> 達那太子本行	<i>AB.322;</i> <i>AB.374</i>				
11.	<i>Địa Tạng bản hạnh</i> 地藏本行	<i>AB.44</i>				
12.	<i>Đông Tác Nguyễn Đại Vương bản truyện diễn âm</i> 東作大王本傳演音	<i>AB. 332</i>				
13.	<i>Đông Thiên Vương tân truyện</i> 董天王新傳	<i>AB.648</i>				
14.	<i>Đồng tiền truyện</i> 銅錢傳	<i>AB.474</i>	<i>VNb.71</i>			
15.	<i>Hán Sở tranh hùng truyện</i> 漢楚爭雄傳	<i>AB.403</i>				
16.	<i>Hảo Cầu tân truyện</i> 好逑新傳	<i>AB.134;</i> <i>AB.281</i>				
17.	<i>Hoa Tiên nhuận chính</i> 花仙閨正		<i>VNb.72</i>			
18.	<i>Hoàng Trừu truyện</i> 皇諸傳	<i>AB.55</i>				
19.	<i>Hoàng Tú tân truyện</i> 黃秀新傳	<i>AB.87</i>				
20.	<i>Hữu Ké truyện</i> 有寄傳	<i>AB.72</i>				
21.	<i>Kim Vân Kiều truyện</i> 金雲翹傳	<i>AB.12;</i>	<i>VNb.8;</i> <i>VNb.9;</i>	<i>VNv.99;</i> <i>VNv.71</i>	<i>AC.521</i>	

**KHẢO SÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN TRUYỆN THƠ NÔM KINH...**

		AB.59 AB.222; AB.233; AB.412; AB.214;	VNb.10; VNb.11; VNb.12; VNb.27; VNb.59; VNb.60	VNv.147; VNv.208 VNv.1898		
22.	Long thư tịnh độ diễn âm 龍書淨度衍音	AB.94				
23.	Lục Vân Tiên truyện 蓼雲仙傳	AB.62, AB.470	VNb.30			
24.	Lưu Bình Dương Lễ truyện 劉平陽禮傳	AB.39. AB.409; AB.66; AB.379/1; AB.379/2; AB.479; AB.640	VNb.23			
25.	Lưu Kinh truyện thoại bản 劉京傳話本	AB.594				
26.	Lưu Nguyễn nhập thiên thai tân truyện 劉阮入天台新傳	AB.220				
27.	Lưu Nguyễn Phổ tân truyện 劉元普傳	AB.582				
28.	Lưu nữ tướng truyện 劉女將傳	AB.276				
29.	Lý Công tân truyện 李公新傳	AB.76				
30.	Mai liễu tiểu lục 梅了小錄	AB.600				
31.	Mộng Hiền truyện 夢賢傳	AB.189				
32.	Ngọc Kiều Lê tân truyện 玉嬌梨新傳		VNb.76			
33.	Nguyễn Đạt Nguyễn Sinh tân truyện 阮達阮生新傳	AB.41				
34.	Nhị độ mai truyện 二度梅傳	AB.350; AB.419; AB.451; AB.216	VNb.7; VNb.22; VNb.28; VNb.37			
35.	Nhị thập tứ đệ truyện 二十四悌傳	AB.341		VNv.63		
36.	Nhị thập tứ hiếu truyện 二十四孝傳	AB.132				
37.	Nhị thập tứ nữ tắc diễn âm 二十四女則演音	AB.307				
38.	Nhị thập tứ trung diễn ca 二十四忠演歌	AB.291				
39.	Nữ tú tài truyện 女秀才新傳	AB.43				
40.	Ông Ninh cổ truyện 翁寧古傳	AB.42				
41.	Phạm Công Cúc Hoa truyện 范公菊花傳	AB.14; AB.416				

42.	<i>Phạm Tử Ngọc Hoa truyện</i> 范子玉花傳	AB.60				
43.	<i>Phan Trần truyện</i> 潘陳傳	AB.37; AB.325; AB.26		VNv.158 VNv.298		
44.	<i>Phù Dung tân truyện</i> 芙蓉新傳	AB.235; AB.68				
45.	<i>Phuong Hoa tân truyện</i> 芳花新傳	AB.86; AB.411; AB.283				
46.	<i>Quan Âm chân kinh diễn nghĩa</i> 觀音真經演義	AB.631; AB.224; AB.176/2; AB.550; AB.111		VNv.295	AC.174	VHv.725; VHv.726; VHv.727
47.	<i>Quan Âm tổng tử bản hạnh</i> 觀音宋子本行	AB.638; AB.48; AB.639; AB.46; AB.65; AB.219				
48.	<i>Sơ kính tân trang</i> 梳鏡新妝	A.1390 <sup>8</sup>				
49.	<i>Quan Thế Âm thánh tượng chân kinh</i> 觀世音聖像真經			VNv.286		
50.	<i>Tái sinh duyên truyện</i> 再生緣傳		VNb. 73			
51.	<i>Tây du truyện</i> 西遊傳	AB.81				
52.	<i>Tây Nam hai mươi tám hiếu diễn ca</i> 西南廿進孝演歌			VNv.62		
53.	<i>Thạch Sanh truyện</i> 石生傳	AB.451; AB.221				
54.	<i>Thẩm Tử Hư truyện</i> 審子虛傳	AB.158				
55.	<i>Tống Trân Cúc Hoa truyện</i> 宋真珍花傳	AB.217				
56.	<i>Trê Cóc tân truyện</i> 鮫蛤新傳		VNb.78			
57.	<i>Trình Thủ truyện</i> 貞鼠傳		VNb.79			
58.	<i>Trung Quân đối diễn ca</i> 忠君對演歌	AB.211				
59.	<i>Từ Thức tân truyện</i> 徐式新傳	AB.213				
60.	<i>Tuyển phu ngộ phối tân truyện</i> 選夫誤配新傳	AB.51				
61.	<i>Tỳ Bà quốc âm tân truyện</i> 婢婆國音新傳	AB.272; AB.133				
62.	<i>Vân Cát thân nữ cổ lục diễn âm</i> 雲葛神女古錄演音	AB.352				
63.	<i>Vân Đế thực lục</i> 文帝實錄	AB. 124				
64.	<i>Vân Trung Nguyệt Kinh tân truyện</i> 雲中月鏡新傳	AB.218				

**3. Phân loại hệ thống văn bản truyện thơ Nôm Kinh**

Từ kết quả có được từ việc thống kê về số lượng, kí hiệu văn bản truyện thơ Nôm Kinh tại VNCHN như trên, chúng tôi tiếp tục đi sâu khảo sát, phân loại một số vấn đề

như: kí hiệu, loại hình văn bản, tác giả (người sao chép), và niên đại của loại hình văn bản này, kết quả như sau:

**3.1. Loại kí hiệu AB, có 56 truyện, 93 văn bản:**

Bảng 2: Văn bản truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu *AB*.

TT	Tên truyện	Kí hiệu	Loại văn bản	Tác giả/ người sao chép	Niên đại
1.	<i>Bạch Viên tân truyện</i> 白猿新傳	<i>AB.78</i>	<i>in</i>	không	Thành Thái thứ 10 (1899)
		<i>AB.325</i>	<i>chép tay</i>	không	không
2.	<i>Hà Ô Lô truyện</i> 何烏雷傳	<i>AB.451</i>	<i>in</i>	không	không
3.	<i>Bích Câu kỳ ngộ</i> 碧溝奇遇	<i>AB.83</i>	<i>in</i>	Trần Tử Hiền	Tự Đức thứ 26 (1873)
		<i>AB.325</i>	<i>chép tay</i>	Bùi Cao Mĩ	Tự Đức thứ 30 (1877)
4.	<i>Bình Sơn Lãnh Yến diễn ca</i> 平山冷燕演歌	<i>AB.135</i>	<i>chép tay</i>	Phạm Mĩ Phủ	Tự Đức thứ 26 (1873)
5.	<i>Cai Vàng tân truyện</i> 該黃新傳	<i>AB.3</i>	<i>chép tay</i>	không	không
		<i>AB.640</i>	<i>chép tay</i>	không	không
6.	<i>Chàng Chuối tân truyện</i> 松椽新傳	<i>AB.84</i>	<i>in</i>	không	không
7.	<i>Châu sơ kim kính lục</i> 珠梳金鏡錄	<i>AB.275</i>	<i>chép tay</i>	không	không
8.	<i>Chúa Thao cổ truyện</i> 主滔古傳	<i>AB.82</i>	<i>in</i>	không	không
9.	<i>Đạt Na Thái Tử bản hạnh</i> 達那太子本行	<i>AB.322</i>	<i>in</i>	không	Minh Mệnh thứ 19 (1830)
		<i>AB.374</i>	<i>in</i>	không	Minh Mệnh thứ 19 (1830)
10.	<i>Địa Tạng bản hạnh</i> 地藏本行	<i>AB.44</i>	<i>in</i>	không	Tự Đức thứ 28 (1875)
11.	<i>Đông Tác Nguyễn Đại Vương bản truyện diễn âm</i> 東作大王本傳演音	<i>AB.332</i>	<i>chép tay</i>	không	không
12.	<i>Đông Thiên Vương tân truyện</i> 董天王新傳	<i>AB.648</i>	<i>chép tay</i>	không	không
13.	<i>Đông tiền truyện</i> 銅錢傳	<i>AB.474</i>	<i>in</i>	không	không
14.	<i>Hán Sở tranh hùng truyện</i> 漢楚爭雄傳	<i>AB.403</i>	<i>chép tay</i>	không	không
15.	<i>Hảo Cầu tân truyện</i> 好逑新傳	<i>AB.134</i>	<i>chép tay</i>	Vũ Chi Đình	Tự Đức thứ 33 (1880)
		<i>AB.281</i>	<i>chép tay</i>	Vũ Chi Đình	Tự Đức thứ 33 (1880)
16.	<i>Hoàng Triều truyện</i> 皇諸傳	<i>AB.55</i>	<i>in</i>	không	Thành Thái thứ 2 (1890)

17.	<i>Hoàng Tú tân truyện</i> 黃秀新傳	AB.87	in	không	Tự Đức thứ 34 (1881)
18.	<i>Hữu Kế truyện</i> 有寄傳	AB.72	in	không	không
19.	<i>Kim Vân Kiều truyện</i> 金雲翹傳	AB.12	in	Nguyễn Du	Thành Thái thứ 14 (1902)
		AB.59	in	không	Thành Thái thứ 19 (1907)
		AB.222	in	Luong Gia Từ	Thành Thái thứ 19 (1907)
		AB.233	in	không	không
		AB.412	chép tay	Trần Bích San	không
		AB.214	in	không	Duy Tân thứ 14 (1914)
20.	<i>Long thư tịnh độ diễn âm</i> 龍書淨度演音	AB.94	in	Pháp danh Tính Đỉnh	không
21.	<i>Lục Vân Tiên truyện</i> 麥雲仙傳	AB.62	in	không	Thành Thái thứ 9 (1897)
		AB.470	in	không	Khải Định thứ 6 (1921)
22.	<i>Lưu Bình Dương Lễ truyện</i> 劉平陽禮傳	AB.409	in	không	Khải Định thứ 4 (1919)
		AB.39	in	không	Thành Thái (1909)
		AB.66	chép tay	không	không
		AB.379/1	in	không	không
		AB.379/2	Chép tay	không	không
		AB.479	chép tay	không	không
23.	<i>Lưu Kinh truyện thoại bản</i> 劉京傳話本	AB.594	chép tay	không	không
24.	<i>Lưu Nguyễn nhập thiên thai tân truyện</i> 劉阮入天台新傳	AB.220	chép tay	không	Duy Tân thứ 3 (1909)
25.	<i>Lưu Nguyễn Phổ tân truyện</i> 劉元普新傳	AB.582	chép tay	Nguyễn Nghi Hồng	không
26.	<i>Lưu Nữ Tướng truyện</i> 劉女將傳	AB.276	chép tay	không	không
27.	<i>Lý Công Tân truyện</i> 李公新傳	AB.76	in	không	Tự Đức thứ 32 (1879)
28.	<i>Mai Liễu Tiểu Lục</i> 梅了小錄	AB.600	chép tay	không	không
29.	<i>Mộng Hiền truyện</i> 夢賢傳	AB.189	in	không	Duy Tân thứ 2 (1908)
30.	<i>Nguyễn Đạt Nguyễn Sinh Tân truyện</i> 阮達阮生新傳	AB.41	in	không	không
31.	<i>Nhị Độ Mai truyện</i> 二度梅傳	AB.350	chép tay	không	Đông Khánh thứ 2 (1887)
		AB.419	in	không	Thành Thái thứ 9 (1907)

**KHẢO SÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN TRUYỆN THƠ NÔM KINH...**

		<i>AB.451</i>	in	không	Duy Tân thứ 9 (1915)
		<i>AB.216</i>	in	không	Duy Tân thứ 7 (1913)
32.	<i>Nhị thập tứ đệ truyện</i> 二十四悌傳	<i>AB.341</i>	in	Nguyễn Tử Vọng	Tự Đức thứ 8 (1855)
33.	<i>Nhị thập tứ hiếu truyện</i> 二十四孝傳	<i>AB.132</i>	chép tay	Lí Văn Phúc	không
34.	<i>Nhị thập tứ nữ tắc diễn âm</i> 二十四女則演音	<i>AB.307</i>	chép tay	Nguyễn Bá Giao	không
35.	<i>Nhị thập tứ trung diễn ca</i> 二十四忠演歌	<i>AB.291</i>	chép tay	không	không
36.	<i>Nữ tú tài truyện</i> 女秀才新傳	<i>AB.43</i>	in	không	Thành Thái thứ 14 (1902)
37.	<i>Ông Ninh cổ truyện</i> 翁寧古傳	<i>AB.42</i>	in	không	Không
38.	<i>Phạm Công Cúc Hoa truyện</i> 范公菊花傳	<i>AB.14</i>	in	không	Thành Thái thứ 1 (1889)
		<i>AB.416</i>	in	không	Khải Định thứ 4 (1919)
39.	<i>Phạm Tử Ngọc Hoa truyện</i> 范子玉花傳	<i>AB.60</i>	in	không	Tự Đức thứ 24 (1871)
40.	<i>Phan Trần truyện</i> 潘陳傳	<i>AB.37</i>	in	không	Thành Thái thứ 19 (1902)
		<i>AB.325</i>	chép tay	không	không
		<i>AB.26</i>	in	không	Thành Thái thứ 14 (1902)
41.	<i>Phù Dung tân truyện</i> 芙蓉新傳	<i>AB.235</i>	in	không	không
		<i>AB.68</i>	in	Cư sĩ Trúc Lâm	Tự Đức thứ 32 (1879)
42.	<i>Phương Hoa tân truyện</i> 芳花新傳	<i>AB.86</i>	in	không	Thành Thái thứ 13 (1901)
		<i>AB.411</i>	in	không	không
		<i>AB.283</i>	chép tay	không	không
43.	<i>Quan Âm chân kinh diễn nghĩa</i> 觀音真經演義	<i>AB.631</i>	in	không	Khải Định thứ 1 (1916)
		<i>AB.224</i>	in	không	không
		<i>AB.176/2</i>	chép tay	không	không
		<i>AB.550</i>	in	Tuệ Đăng Hòa Thượng	Tự Đức thứ 3 (1850)
		<i>AB.111</i>	in	không	Thành Thái thứ 16 (1904)
44.	<i>Quan Âm tổng tử bản hạnh</i> 觀音宋子本行	<i>AB.638</i>	in	không	Khải Định thứ 4 (1919)
		<i>AB.48</i>	in	không	Thành Thái thứ 6 (1894)
		<i>AB.639</i>	in	không	không
		<i>AB.46</i>	in	không	Tự Đức thứ 39 (1886)

		<i>AB.65</i>	in	không	Không
		<i>AB.219</i>	in	không	Tự Đức thứ 39 (1886)
45.	<i>Sơ kính tân trang</i> 梳鏡新妝	<i>A.1390<sup>9</sup></i>	chép tay	Phạm Thái	Gia Long thứ 3 (1804)
46.	<i>Tây du truyện</i> 西遊傳	<i>AB.81</i>	in	không	Thành Thái thứ 5 (1893)
47.	<i>Thạch Sanh truyện</i> 石生傳	<i>AB.451</i>	in	không	Khải Định thứ 4 (1919)
		<i>AB.221</i>	in	không	Khải Định thứ 4 (1919)
48.	<i>Thẩm Tử Hư truyện</i> 審子虛傳	<i>AB.158</i>	in	không	không
49.	<i>Tống Trân Cúc Hoa truyện</i> 宋珍菊花傳	<i>AB.217</i>	in	không	Duy Tân thứ 8 (1914)
50.	<i>Trung Quân đối diễn ca</i> 忠君對演歌	<i>AB.211</i>	in	Đỗ Hạ Xuyên	Tự Đức thứ 32 (1879)
51.	<i>Từ Thức tân truyện</i> 徐式新傳	<i>AB.213</i>	in	không	Duy Tân thứ 6 (1912)
52.	<i>Tuyển phu ngộ phối tân truyện</i> 選夫誤配新傳	<i>AB.51</i>	in	không	Tự Đức thứ 13 (1860)
53.	<i>Tỳ Bà quốc âm tân truyện</i> 婢婆國音新傳	<i>AB.272</i>	in	Kiều Oánh Mậu	Thành Thái thứ 3 (1891)
		<i>AB.133</i>	chép tay	Kiều Oánh Mậu	Thành Thái thứ 8 (1896)
54.	<i>Vân Cát thần nữ cổ lục diễn âm</i> 雲葛神女古錄演音	<i>AB.352</i>	chép tay	không	không
55.	<i>Vân Đế thực lục</i> 文帝實錄	<i>AB.124</i>	in	Bùi Nguyên Phu	Thành Thái thứ 6 (1894)
56.	<i>Vân Trung Nguyệt Kính tân truyện</i> 雲中月鏡新傳	<i>AB.218</i>	chép tay	không	Duy Tân thứ 8 (1914)

Như vậy, tại VNCHN có 56 truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu *AB.*, với 93 văn bản. Xét về đặc điểm văn bản chúng ta thấy: có 32 văn bản chép tay, 61 văn bản in; 20 văn bản ghi tên tác giả (hay người sao chép), 73 văn bản không ghi tác giả (hay

người sao chép); 39 văn bản không ghi niên đại, 54 văn bản có ghi niên đại (trong đó tất cả là thời Nguyễn)

**3.2. Loại kí hiệu *VNb.***, có 13 truyện, 22 văn bản:

Bảng 3: Truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu *VNb.*

TT	Tên truyện	Kí hiệu	Loại văn bản	Tác giả/ người sao chép	Niên đại
1.	<i>Bạch Viên tân truyện</i> 白猿新傳	<i>VNb.68</i>	in	không	Khải Định thứ 2 (1917)
2.	<i>Chiêu Quân tân truyện</i> 昭君新傳	<i>VNb.70</i>	in	không	Khải Định thứ 1 (1882)

**KHẢO SÁT HỆ THỐNG VĂN BẢN TRUYỆN THƠ NÔM KINH...**

4.	<i>Đồng Tiền truyện</i> 銅錢傳	<i>VNb.71</i>	in	không	Khải Định thứ 3 (1918)
5.	<i>Hoa Tiên nhuận chính</i> 花仙潤正	<i>VNb.72</i>	in	Đỗ Hạ Xuyên	Tự Đức thứ 28 (1875)
6.	<i>Kim Vân Kiều truyện</i> 金雲翹傳	<i>VNb.8</i>	in	không	Khải Định thứ 9 (1918)
		<i>VNb.9</i>	in	không	Khải Định thứ 9 (1918)
		<i>VNb.10</i>	in	không	không
		<i>VNb.11</i>	in	không	không
		<i>VNb.12</i>	in	không	không
		<i>VNb.27</i>	in	không	không
		<i>VNb.59</i>	in	không	không
<i>VNb.60</i>	in	không	không		
7.	<i>Lục Vân Tiên truyện</i> 蓼雲仙傳	<i>VNb.30</i>	in	không	không
8.	<i>Lưu Bình Dương Lễ truyện</i> 劉平陽禮傳	<i>VNb.23</i>	in	không	không
9.	<i>Ngọc Kiều Lê tân truyện</i> 玉嬌梨新傳	<i>VNb.76</i>	in	Lí Văn Phức	Đồng Khánh thứ 3 (1888)
10.	<i>Nhị độ mai truyện</i> 二度梅傳	<i>VNb.7</i>	in	không	Khải Định thứ 11 (1920)
		<i>VNb.22</i>	in	không	Tự Đức thứ 29 (1876)
		<i>VNb.28</i>	in	không	Khải Định thứ 11 (1920)
		<i>VNb.37</i>	in	không	không
11.	<i>Tái sinh duyên truyện</i> 再生緣傳	<i>VNb.73</i>	in	Chu Ngọc Chi	Bảo Đại thứ (1928)
12.	<i>Trê Cóc tân truyện</i> 鮫蛤新傳	<i>VNb.78</i>	in	không	Kiến Phúc thứ 1 (1883)
13.	<i>Trinh Thử truyện</i> 貞鼠傳	<i>VNb.79</i>	in	không	Tự Đức thứ 26 (1873)

Như vậy, tại VNCHN, có 13 truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu VNb., 22 văn bản. Xét về đặc điểm văn bản chúng ta thấy: có 22 bản in; 0 bản chép tay; 13 văn bản có ghi niên đại (trong đó tất cả là thời

Nguyễn), 09 văn bản không ghi niên đại; 03 văn bản ghi tác giả, 18 văn bản không ghi tác giả.

**3.3. Loại kí hiệu VNv.**, có 05 truyện, 10 văn bản:

Bảng 4: Truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu VNv.

TT	Tên truyện	Kí hiệu	Loại văn bản	Tác giả/ người sao chép	Niên đại
1.	<i>Kim Vân Kiều truyện</i> 金雲翹傳	VNv.99	chép tay	không	không
		VNv.71	in	không	Khải Định thứ 9 (1924)
		VNv.147	in	không	Khải Định thứ 9 (1924)

		VNv.208	in	không	Khải Định thứ 9 (1924)
		VNv.1898	in	Phạm Quý Thích	không
2.	<i>Nam Hải Quan Âm bản hạnh quốc ngữ</i> 南海觀音本行國語	VNv.295	chép tay	Nguyễn Hòa Hương	không
3.	<i>Phan Trần truyện</i> 潘陳傳	VNv.158 VNv.298	in in	không	Duy Tân thứ 6 (1912)
4.	<i>Quan Thế Âm thánh tượng chân kinh</i> 觀世音聖像真經	VNv.286	in	không	không
5.	<i>Tây Nam hai mươi tám hiệu để diễn ca</i> 西南廿進孝演歌	VNv.62	in	Hoàng Cao Khải	Khải Định thứ 7 (1922)

Như vậy, tại VNCHN, có 05 truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu VNv., 10 văn bản. Xét về đặc điểm văn bản chúng ta thấy: có 08 bản in; 02 bản chép tay; 05 văn bản có ghi niên đại (trong đó tất cả là thời Nguyễn),

05 văn bản không ghi niên đại; 03 văn bản ghi tác giả, 07 văn bản không ghi tác giả.

**3.4. Loại kí hiệu AC.** có 02 truyện, 02 văn bản:

Bảng 5: Truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu AC.

TT	Tên truyện	Kí hiệu	Loại văn bản	Tác giả/ người sao chép	Niên đại
1.	<i>Kim Vân Kiều truyện</i> 金雲翹傳	AC. 512	in	không	Đồng Khánh thứ 3 (1888)
2.	<i>Quan Âm chân kinh diễn nghĩa</i> 觀音真經演義	AC.174	in	không	không

Như vậy, tại VNCHN, có 02 truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu AC., 02 văn bản. Xét về đặc điểm văn bản chúng ta thấy: có 02 bản in; 0 bản chép tay; 01 văn bản có

ghi niên đại; 0 văn bản ghi tên tác giả cũng như người sao chép.

**3.5. Loại kí hiệu VHv.** có 01 truyện, 03 văn bản:

Bảng 6: Truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu VHv.

TT	Tên truyện	Kí hiệu	Loại văn bản	Tác giả/ người sao chép	Niên đại
1.	<i>Quan Âm chân kinh diễn nghĩa</i> 觀音真經演義	VHv.725	in	không	Khải Định thứ 1 (1916)
		VHv.726	in	không	không
		VHv.727	in	không	không

Như vậy, tại VNCHN, có 01 truyện thơ Nôm Kinh mang kí hiệu VNv.,03 văn bản. Xét về đặc điểm văn bản chúng ta thấy: có 03 bản in; 0 bản chép tay; 01 văn bản có ghi niên đại, 02 văn bản không ghi niên đại; cả 03 văn bản không ghi tên tác giả cũng như người sao chép.

#### 4. Một số nhận xét

##### 4.1. Về đặc điểm văn bản

- Về số lượng truyện thơ: tại VNCHN, hiện đang lưu giữ 64 truyện thơ Nôm Kinh (131 văn bản), trong đó có truyện chỉ với 1 văn bản, như: *Phạm Tử - Ngọc Hoa truyện* 范子玉花傳; có tác phẩm với nhiều dị bản như: *Kim Vân Kiều truyện* 金雲翹傳 (có đến 20 văn bản cả chép tay lẫn bản in). Một đặc điểm văn bản nữa cần lưu ý là, trong tổng số 64 truyện thơ, kí hiệu AB. là loại văn bản truyện thơ Nôm Kinh có số truyện nhiều nhất: 56/64 truyện (87,5%); tiếp đến là loại kí hiệu VNb. có 13/64 truyện (20,31%); kí hiệu VNv. có 5/64 truyện (7,81%); kí hiệu AC. có 2/64 truyện (3,12%); và kí hiệu VHv. có 1/64 truyện (1,56%).

- Các kí hiệu văn bản truyện thơ Nôm Kinh cũng có sự chênh lệch đáng kể như sau: kí hiệu AB. có 93/131 văn bản (70,99%); kí hiệu VNb. có 22/131 văn bản (16,79%); kí hiệu VNv. có 10/131 văn bản (7,63%); kí hiệu AC. có 2/131 văn bản (1,52%); kí hiệu VHv. có 3/131 văn bản (2,29%).

- Số lượng văn bản truyện thơ in cũng chiếm số lượng áp đảo so với các văn bản truyện thơ chép tay: kí hiệu AB. có 61/93 văn bản (65,59%); kí hiệu VNb. có 22/22 văn bản (100%); kí hiệu VNv. có 8/10 văn

bản (80%); kí hiệu AC. có 2/2 văn bản (100%); kí hiệu VHv. có 3/3 văn bản (100%).

- Về niên đại văn bản: trong tổng số 64 truyện, với 131 văn bản, có 73 văn bản xác định được niên đại, trong đó tất cả là thuộc thời Nguyễn (chiếm khoảng 55,72%); còn lại 54 văn bản chưa xác định rõ niên đại.

- Về tác giả (người sao chép): trong tổng số 64 truyện, với 131 văn bản, có 52 văn bản xác định được tác giả, người biên soạn (hoặc người sao chép) (chiếm khoảng 39,69%), còn 79 văn bản không ghi tác giả. Trong số các văn bản có ghi tác giả, chúng ta thấy có một số tác giả khoa bảng nổi tiếng, như: Nguyễn Du, Kiều Oánh Mậu, Lí Văn Phúc, Hoàng Cao Khải v.v... và có những người biên soạn vài tác phẩm, như: Chu Ngọc Chi, Đỗ Hạ Xuyên v.v...

##### 4.2. Về đặc điểm thể loại

Với số lượng 64 truyện trong 131 văn bản, các văn bản truyện thơ Nôm Kinh tại VNCHN đã khái quát được nội dung, các dạng thức đã được nêu ở phần lí thuyết thể loại, từ loại: truyện thơ lục bát, truyện thơ Đường luật, đến loại truyện thơ Nôm khuyết danh và loại truyện thơ Nôm hữu danh; hay loại truyện thơ Nôm bình dân và loại truyện thơ Nôm bác học. Ở mỗi một thể loại đều có những văn bản truyện thơ tiêu biểu cho các chủ đề mà thể loại truyện thơ đó hướng tới như: *Lâm tuyền kỳ ngộ* 林泉其遇, *Hán Sở tranh hùng* 漢楚爭雄傳, *Tống Trân - Cúc Hoa truyện* 宋珍菊花傳, *Phạm Tử - Ngọc Hoa truyện* 范子玉花傳, *Kim Vân Kiều truyện* 金雲翹傳, v.v... có thể nói là rất phong phú và đa dạng. Đây là những tư liệu rất có giá trị trong việc nghiên cứu chuyên sâu về mặt văn bản, văn

tự, cũng như về các giá trị nội dung của mảng văn bản truyện thơ Nôm Kinh này.

### Kết luận

Trên đây là kết quả khảo sát hệ thống tư liệu truyện thơ Nôm Kinh hiện đang lưu trữ tại VNCHN, nơi được coi là cơ sở hiện giữ nhiều sách Hán Nôm nhiều nhất trong cả nước. Song tư liệu về Hán Nôm vẫn còn được lưu giữ ở nhiều địa phương khác, đặc biệt là mảng sách truyện thơ Nôm Kinh chưa được trình bày ở đây. Do đó cần tập hợp, kiểm kê số sách ở các địa phương để có được một diện mạo đầy đủ hơn về mảng truyện thơ Nôm Kinh (về các mặt như: số lượng truyện thơ, đặc điểm văn bản, chủ đề, thể loại, v.v...). Trên cơ sở đó lập ra kế hoạch bảo quản và tiến hành khai thác nghiên cứu mảng tư liệu Hán Nôm này một cách toàn diện và hiệu quả hơn nữa, góp phần làm sáng rõ hơn về một loại hình văn học thời kì trung đại của Việt Nam, một nền văn học đậm đà bản sắc dân tộc\*.

P.H.G

### Chú thích và tài liệu tham khảo

1. Trịnh Khắc Mạnh (2024), “Chữ Nôm và văn học chữ Nôm”, *Tạp chí Hán Nôm*, số 6.

2. Nhóm Lê Quý Đôn (1957), *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, tập II, tr.180.

3. Tập san *Nghiên cứu Văn học* (1960), số 7.

4. Lê Hoài Nam (1978), *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập III, NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.210 - 214.

5. Nguyễn Lộc (1999), *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, NXB. Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, tr.279.

6. Đặng Thanh Lê (1979), *Truyện Kiều và thể loại truyện Nôm*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.62- 64.

7. Kiều Thu Hoạch (2007), *Truyện Nôm, Lịch sử phát triển và thi pháp thể loại*. NXB. Giáo dục, Hà Nội, tr.308.

8. Trường hợp nhằm nhãn hiệu kho sách nhưng nội dung vẫn là truyện thơ.

9. Sách dán nhằm kí hiệu kho A.

10. Bùi Văn Nguyên (1960), Tập san *Nghiên cứu Văn học*, số 7.

11. Trần Nghĩa - François Gros (đồng chủ biên) (1993), *Di sản Hán Nôm - Thư mục đề yếu*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.

12. Trần Thị Kim Anh, Hoàng Hồng Cẩm (2010), *Các thể văn chữ Hán Việt Nam*, NXB. Khoa học xã hội, Hà Nội.